

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 155/TTPTQĐ

Nhơn Trạch, ngày 27 tháng 01 năm 2026

V/v Niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai (Đợt 2).

Kính gửi: UBND xã Phước An

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai.

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2024 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;

Căn cứ Quyết định số 295/QĐ-UBND Đồng Nai ngày 24/02/2023 quyết định phê duyệt Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành Phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ văn bản số 1356/BQLDACCTGT-QLDA3 ngày 24/10/2024 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện các thủ tục thu hồi đất để di dời các trụ điện cao thế tại vị trí giao cắt với dự án thành phần 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường vành đai 3 TPHCM.

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-BQLDACTGT ngày 02/04/2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở bước thiết kế bản vẽ thi công, dự toán hạng mục Di dời đường dây cao thế, trung hạ thế, trạm biến áp và chiếu sáng Dự án Thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây

Đường Tôn Đức Thắng, ấp xóm Hố, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai



dựng đường Vành đai 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với các cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 5996/SNNMT-ĐĐ ngày 9/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng các dự án công trình diện trên địa bàn xã Nhơn Trạch, xã Phước An và xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ danh sách cung cấp thông tin địa chính của từng hộ cá nhân ngày 30/9/2025 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Nhơn Trạch;

Căn cứ Văn bản số 2667/VPĐK-NT-TTTLT ngày 14/10/2025 của Văn Phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Nhơn Trạch về việc cung cấp thông tin vị trí các thửa đất tại dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Phước An về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường thực hiện dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Ngày 27/01/2026 Trung tâm Phát triển chi nhánh Nhơn Trạch có dự thảo phương án niêm yết lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ và các biểu mẫu 6,7,8,9 thực hiện di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai (*Kèm dự thảo phương án, mẫu 6,7,8,9*) Đợt 2.

Để đảm bảo tính pháp lý và minh bạch trong công tác thu hồi đất của dự án. Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch đề nghị UBND xã Phước An tiến hành thực hiện niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ quy định tại điểm b

khoản 9 Điều 3 Nghị quyết 254/2025 ngày 11/12/2025 của Quốc hội. Sau thời gian niêm yết 10 ngày kể từ ngày niêm yết, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch phối hợp các ban ngành tổ chức đối thoại các trường hợp hộ dân có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ và tổng hợp phương án trình phê duyệt theo quy định.

Rất mong được sự quan tâm phối hợp của đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ-TTPTQĐ;
- TBT -NV2;
- Lưu VT.TTPTQĐ.



KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ngọc Nga



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số /PA-TTPTQĐ

Nhơn Trạch, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

V/v bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện dự án di dời 08 trụ điện thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai (đợt 02).

(Phương án niêm yết lấy ý kiến)

I. Căn cứ pháp lý:

1. Pháp lý chung:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;

Căn cứ quyết định số 295/QĐ-UBND Đồng Nai ngày 24/02/2023 quyết định phê duyệt Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành Phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ văn bản số 1356/BQLDACCTGT-QLDA3 ngày 24/10/2024 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện các thủ tục thu hồi đất để di dời các trụ điện cao thế tại vị trí giao cắt với dự án thành phần 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường vành đai 3 TPHCM.

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-BQLDACTGT ngày 02/04/2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở bước thiết kế bản vẽ thi công, dự toán hạng mục Di dời đường dây cao thế, trung hạ thế, trạm biến áp và chiếu sáng Dự án Thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ theo Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với các cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Phước An về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường thực hiện dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ danh sách cung cấp thông tin địa chính của từng hộ cá nhân ngày 30/9/2025 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Nhơn Trạch;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện

Căn cứ Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-TTg ngày 06/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (về hạ tầng kỹ thuật và khu công nghiệp);

Căn cứ Nghị Quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (lần 2).

Căn cứ Nghị Quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Đồng Nai thông qua danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng có diện tích đất trồng lúa năm 2024 tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/2/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 3694/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nhơn Trạch.

Căn cứ Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai Bổ sung Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/2/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Pháp lý dự án:

Căn cứ Nghị quyết số 57/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15/08/2022 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 57/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai.

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2024 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;

Căn cứ quyết định số 295/QĐ-UBND Đồng Nai ngày 24/02/2023 quyết định phê duyệt Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành Phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ văn bản số 1356/BQLDACCTGT-QLDA3 ngày 24/10/2024 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện các thủ tục thu hồi đất để di dời các trụ điện cao thế tại vị trí giao cắt với dự án thành phần 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường vành đai 3 TPHCM.

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-BQLDACTGT ngày 02/04/2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở bước thiết kế bản vẽ thi công, dự toán hạng mục Di dời đường dây cao thế, trung hạ thế, trạm biến áp và chiếu sáng Dự án Thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ theo Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ danh sách cung cấp thông tin địa chính của từng hộ cá nhân ngày 30/9/2025 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Nhơn Trạch;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện

Căn cứ Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-TTg ngày 06/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (về hạ tầng kỹ thuật và khu công nghiệp);

Căn cứ Nghị Quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (lần 2).

Căn cứ Nghị Quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Đồng Nai thông qua danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng có diện tích đất trồng lúa năm 2024 tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với các cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Phước An về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường thực hiện dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ danh sách cung cấp thông tin địa chính của từng hộ cá nhân ngày 30/9/2025 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Nhơn Trạch;

Trung tâm Phát triển quỹ đất – Chi nhánh Nhơn lập phương án bồi thường, hỗ trợ như sau:

II. TỔNG QUAN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ.

1/ Tổng quan Dự án:

- Dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai với hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông giảm thiểu tình trạng quá tải, ùn tắc cục bộ trên địa bàn xã Phước An, tỉnh Đồng Nai đối với dự án với tổng diện tích thu hồi khoảng 15.354.3 m² (Tổng số hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi và tài sản giải tỏa khoảng: 41 hộ (trong đó 17 hộ có đất và 01 hộ tài sản trên đất người khác; 01 hộ đất do UBND xã quản lý và 22 hộ ảnh hưởng trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện).

2/ Diện tích, số hộ trình phương án (đợt 02):

a. Tổng diện tích đất thu hồi: 681,8 m² gồm:

- Đất Nông nghiệp: 681,8m², trong đó
- + Đất trồng cây lâu năm: 681,3m²
- + Đất trồng lúa: 0,5m²

b. Tổng diện tích đất ảnh hưởng hành lang: 1.211,3 m² gồm:

- Đất Nông nghiệp: 1.040,5m² trong đó
- + Đất trồng cây lâu năm: 659,0m²
- + Đất trồng cây hàng năm: 17,0m²
- + Đất trồng lúa: 364,5m²
- Đất phi nông nghiệp: 170,8m²
- + Đất năng lượng: 170,8m²

Tổng số 13 trường hợp: (trong đó: 03 trường hợp bồi thường, hỗ trợ về đất, ảnh hưởng hành lang điện và 10 hộ ảnh hưởng hành lang điện)

III. CƠ SỞ TÍNH TOÁN PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

1/ Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Căn cứ Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Phước An về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường thực hiện dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về điều chỉnh, bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 05 năm giai đoạn 2020 – 2024 tại Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 86/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh đồng nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai.

2/ Bồi thường các chính sách hỗ trợ và thưởng di dời:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Phương án bố trí tái định cư:

Căn cứ Điều 111 Luật đất đai 2024.

+ Kết quả xét tái định cư: Căn cứ Thông báo kết luận số/TB-HĐBT ngày theo Thông báo không có hộ nào đủ điều kiện bố trí tái định cư (Kèm theo danh sách).

4. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi:

Trong phương án không có trường hợp phải di dời mồ mả.

5. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi.

Dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai. không có hộ phải di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi.

IV/ GIÁ TRỊ CỦA PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

a. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:	1.817.427.000	đồng
<i>Trong đó:</i>		
- Bồi thường đất:	1.180.784.000	đồng
- Bồi thường Nhà, Vật kiến trúc:	574.874.000	đồng
- Bồi thường về cây trồng:	24.769.000	đồng
- Hỗ trợ các chế độ chính sách:	0	đồng
- Thuởng di dời:	37.000.000	đồng
b. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (a) x 3,5%), trong đó:	63.610.000	đồng
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của TTPTQĐ (b) x 85%):	54.069.000	đồng
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND xã (b) x 15%):	9.542.000	đồng
c. Tổng giá trị bồi thường (a) + (b):	1.881.037.000	đồng

(Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm tám mươi một triệu, không trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

(Đính kèm mẫu biểu 6, 7, 8, 9)

Trên đây là Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện dự án di dời 08 trụ điện cao thế thuộc dự án Thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai (đợt 02)./-

Nơi nhận:

- UBND xã Phước An
- Ban Giám đốc TTPTQĐ-CN Nhơn Trạch
- Tổ BT, Nhóm NV2;
- Tổ QL&KTQĐ;
- Lưu VT. TTPTQĐ.

GIÁM ĐỐC



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ DIỆN CAO THÉ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

Địa chỉ: XÃ PHƯỚC AN

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại	Thưởng di dời	Tổng cộng	
				Tổng số	DT đất Nông nghiệp										
					Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa								
1	004	Lê Hoàng Tuấn	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), T Đồng Nai	198,3	198,3	198,3		192,7	309.390.000	6.091.000	8.697.000		16.000.000	340.178.000	
2	005	Lê Phát Tài (TS trên đất ông Tuấn)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai							99.069.000				99.069.000	
3	006	Nguyễn Thị Hơ - Nguyễn Công Nghiệp (ĐSD)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	483	483	483		272	614.986.000				20.000.000	634.986.000	
4	007	Nguyễn Công Nghiệp (Tài sản trên đất ĐSD bà Hơ)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai							253.088.000	14.882.000			267.970.000	
5	011	Chưa xác định chủ sử dụng	chưa xác định	0,5	0,5			0,5	442.000				1.000.000	1.442.000	
6	020	Phạm Thị Lành (chết) - chưa xác định thừa kế	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai					17						0	
7	021	Trương Thanh Ngà - Nguyễn Thị Sê	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai					61,5						0	
8	022	Trương Thị Hồng Thảo; Trương Thanh Hiếu; Trương Thanh Trung	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai					132,8						0	
9	032	Huỳnh Thị Gái	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai					364,5	255.966.000		1.190.000			257.156.000	
10	034	Chưa xác định (DNL173/168)	Chưa xác định					170,8						0	
11	042	Trương Thanh Hiếu (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai							63.775.000				63.775.000	
12	043	Trương Thị Hồng Thảo (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai							64.511.000				64.511.000	
13	044	Trương Thanh Trung (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai							88.340.000				88.340.000	
Tổng				681,8	681,8	681,3		0,5	1.211,3	1.180.784.000	574.874.000	24.769.000	0	37.000.000	1.817.427.000

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:

2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%

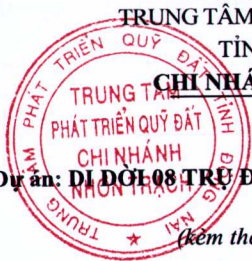
Trong đó:

- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường của TTPTQĐ (85%)

- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường của UBND xã (15%)

Tổng cộng (1+2):

Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm tám mươi một triệu, không trăm ba mươi sáu ngàn, chín trăm bốn mươi lăm đồng



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nhơn Trạch, ngày 27 tháng 01 năm 2026

Mẫu số 7

BẢNG TỔNG HỢP THU HỒI ĐẤT (ĐỢT 3)
Dự án: **DI DỜI 08 TRỤ DIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI**
Địa chỉ: **XÃ PHƯỚC AN**

(Kèm theo Phương án số/PA-TTPTQĐ ngày.....tháng.....năm.....của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch)

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)			Diện tích đất bồi thường (m²)			Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)					Diện tích hỗ trợ (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
							Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp		DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp						Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SDD, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)				
										Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Tổng	Đất công trình năng lượng	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm						Đất trồng lúa		
1	004	Lê Hoàng Tuấn	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vinh Thanh cũ), T Đồng Nai	192	267	1.021		198,3		198,3	198,3				192,7	192,7			VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	877.800		309.390.000	Được công nhận QSD đất số DA 756551 ngày 15/04/2022		
2	006	Nguyễn Thị Hôn - Nguyễn Công Nghiệp (ĐSD)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	192	237	2.441		483		483	483				272	272			VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	877.800		614.986.000	Dược công nhận QSD đất số DH 276481, DH 276482 ngày 26/09/2022		
3	011	Chưa xác định chủ sử dụng	chưa xác định	193	157	279		0,5		0,5	0,5								VT3; Đường Đê Ông Kèo (Nhóm 2) xã Phước An	883.200		442.000	Chưa xác định		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)			Diện tích đất bồi thường (m²)			Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)				Diện tích hỗ trợ (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú		
							Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp			DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp				Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SĐĐ, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)			
										Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Tổng	Đất công trình năng lượng	Tổng	Đất trồng cây lâu năm									Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa
4	020	Phạm Thị Lành (chết) - chưa xác định thừa kế	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	42	29 (173)	568									17		17			VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	1.616.000		0	Được nhà nước công nhận QSD đất số BK 399681 ngày 25/07/2013		
5	021	Trương Thanh Ngà - Nguyễn Thị Sê	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	42	30 (173)	160									61,5	61,5				VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	1.616.000		0	Được nhà nước công nhận QSD đất số AO 584586 ngày 04/12/2009		
6	022	Trương Thị Hồng Thảo; Trương Thanh Hiếu; Trương Thanh Trung	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	173	31	202									132,8	132,8				VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	1.616.000		0	Được nhà nước công nhận QSD đất số CH 383121, 383122, 383123 ngày 22/05/2017		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)			Diện tích đất bồi thường (m²)			Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)				Diện tích hỗ trợ (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú		
							Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp			DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp				Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SDD, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)			
										Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Tổng	Đất công trình năng lượng	Tổng	Đất trồng cây lâu năm									Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa
7	032	Huỳnh Thị Gái	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	192	96	276									220			220	VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	877.800		255.966.000	Được nhà nước công nhận QSD đất số CP 212010 ngày 19/09/2010			
				192	110	83									13,5			13,5	VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	877.800				Được nhà nước công nhận QSD đất số CP 212002 ngày 19/09/2010		
				192	111	252									131			131	VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	877.800				Được nhà nước công nhận QSD đất số CP 212008 ngày 19/09/2010		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)			Diện tích đất bồi thường (m²)			Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)					Diện tích hỗ trợ (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú			
							Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Nông nghiệp			DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp					Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SĐĐ, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)				
										Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Tổng	Đất công trình năng lượng	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm									Đất trồng lúa		
8	034	Chưa xác định (DNL173/168)	Chưa xác định	173	168	75,7							50	50														
				173	116	75,8							75,8	75,8										0				
				192	76	45							45	45														
Tổng cộng						5.478,5	0	681,8	0	681,8	681,3	0,5	170,8	170,8	1.040,5	659	17	364,5	0				1.180.784.000					

Bảng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi triệu, bảy trăm tám mươi bốn ngàn đồng



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nhơn Trạch, ngày 27 tháng 01 năm 2026

Mẫu số 8

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ NHÀ Ở - TÀI SẢN TRÊN ĐẤT
Dự án: **DI DỜI HỖ TRỢ ĐIỆN CAO THẾ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI**
Địa chỉ: **XÃ PHƯỚC AN**

Số TT	Mã số	Họ và tên	Hạng mục tính bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấp, hạng tài sản	Đơn giá xây dựng	Tỷ lệ (%)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Thuộc thửa đất	Nguồn gốc, thời điểm tạo lập tài sản; Cơ sở bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
								BT	HT				
1	004	Lê Hoàng Tuấn	Mái che, mái hiên (giá cao)	m²	28,2		720.000	30		6.091.000	Thửa đất số 267, tờ 192		XD 2024 AHHL
Tổng										6.091.000			
2	005	Lê Phát Tài (TS trên đất ông Tuấn)	Nhà C4H1	m²	9,68		4.363.000	100		42.234.000	Thửa đất số 267, tờ 61		XD 2024 (TH)
			Nhà C4H1	m²	12,16		4.363.000	100		53.054.000			AHTH
			Di dời bồn nước: Bồn inox - Từ 1.000 lít - 2.000 lít	cái	1		518.000	100		518.000			
			Khung đỡ bồn nước cao trên 3 mét	cái	1		2.160.000	100		2.160.000			
			Hồ chứa (hồ phân, hầm cầu...) xây gạch, lát đáy - Nền lát gạch tàu	m²	4		156.000	100		624.000			
			Ống nước nhựa PVC pi 90	mét	2		72.300	100		145.000			
			Ống nước nhựa PVC pi 42	mét	1		25.800	100		26.000			pi 49
			Ống nước nhựa PVC pi 21	mét	6		12.000	100		72.000			
			Ống nước nhựa PVC pi 27	mét	15		15.700	100		236.000			
Tổng									99.069.000				
3	007	Nguyễn Công Nghiệp (Tài sản trên đất ĐSD bà Hôn)	Nhà C4H1	m²	22,372		4.363.000	80		78.087.000	Thửa đất số , tờ		
			Nhà C4H1	m²	29,988		4.363.000	80		104.670.000			AHHL
			Nhà C4H1	m²	8,552		4.363.000	80		29.850.000			AHHL
			Mái che, mái hiên	m²	15,04		720.000	80		8.663.000			
			Mái che, mái hiên	m²	31		720.000	80		17.856.000			AHHL
			Nhà C4H1	m²	4		4.363.000	80		13.962.000			nhà tắm
Tổng									253.088.000				
4	020	Phạm Thị Lành (chết) - chưa xác định thừa kế	Nhà C4H2	m²	11,969		3.925.000	0		0	Thửa đất số 29 (173, tờ 42		XD 2008 (AHHL)
			Nhà C4H2	m²	0,175		3.925.000	0		0			
Tổng										0			

Số TT	Mã số	Họ và tên	Hạng mục tính bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấp, hạng tài sản	Đơn giá xây dựng	Tỷ lệ (%)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Thuộc thửa đất	Nguồn gốc, thời điểm tạo lập tài sản; Cơ sở bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
								BT	HT				
5	021	Trương Thanh Nga - Nguyễn Thị Sê	Nhà C4H1	m²	32,732		4.363.000	0		0	Thửa đất số 30 (173, tờ 42		XD 2009 (AHHL)
Tổng										0			
6	042	Trương Thanh Hiếu (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)	Nhà C4H2	m²	54,161		3.925.000	30		63.775.000	Thửa đất số , tờ		XD 2018
Tổng										63.775.000			
7	043	Trương Thị Hồng Thảo (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)	Nhà C4H2	m²	35,958		3.925.000	30		42.341.000	Thửa đất số , tờ		XD 2018
			Nhà C4H2	m²	18,828		3.925.000	30		22.170.000			
Tổng										64.511.000			
8	044	Trương Thanh Trung (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)	Nhà C4H2	m²	37,512		3.925.000	30		44.170.000	Thửa đất số , tờ		XD 2018 (một phần ts trên đất bà Nga + bà Sê
			Nhà C4H2	m²	37,512		3.925.000	30		44.170.000			XD 2018 (một phần ts trên đất bà Nga + bà Sê
Tổng										88.340.000			
TỔNG GIÁ TRỊ										574.874.000			

Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi bốn ngàn đồng

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Dự án: DI ĐOÀN TRUYỀN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ ĐỐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

Địa chỉ: XÃ PHƯỚC AN

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ nơi cư trú	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm			Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn	Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách	Hỗ trợ dịch vụ y tế	Hỗ trợ tiền thuê nhà	Bồi thường chi phí di chuyển	Hỗ trợ khác	Thưởng do chấp hành tốt	Tổng cộng hỗ trợ
					Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (%)	Tổng số tiền hỗ trợ	Diện tích đất được hỗ trợ (m ²)	Số tiền hỗ trợ để chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Hỗ trợ đào tạo, học nghề								
1	004	Lê Hoàng Tuấn	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), T Đồng Nai	0	0											16.000.000	16.000.000
2	005	Lê Phát Tài (TS trên đất ông Tuấn)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0	0												
3	006	Nguyễn Thị Hôn - Nguyễn Công Nghiệp (ĐSD)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0	0											20.000.000	20.000.000
4	007	Nguyễn Công Nghiệp (Tài sản trên đất ĐSD bà Hôn)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0	0												
5	011	Chưa xác định chủ sử dụng	chưa xác định	0	0											1.000.000	1.000.000
6	020	Phạm Thị Lành (chết) - chưa xác định thừa kế	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0												
7	021	Trương Thanh Ngà - Nguyễn Thị Sê	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0												
8	022	Trương Thị Hồng Thảo; Trương Thanh Hiếu; Trương Thanh Trung	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0												
9	032	Huỳnh Thị Gái	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	0	0												
10	034	Chưa xác định (DNL173/168)	Chưa xác định	0	0												

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ nơi cư trú	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm			Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn	Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách	Hỗ trợ dịch vụ y tế	Hỗ trợ tiền thuê nhà	Bồi thường chi phí di chuyển	Hỗ trợ khác	Thưởng do chấp hành tốt	Tổng cộng hỗ trợ
					Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (%)	Tổng số tiền hỗ trợ	Diện tích đất được hỗ trợ (m²)	Số tiền hỗ trợ để chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Hỗ trợ đào tạo, học nghề								
11	042	Trương Thanh Hiếu (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0	0												
12	043	Trương Thị Hồng Thảo (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0	0												
13	044	Trương Thanh Trung (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)	ấp Chính Nghĩa,xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	0	0												
Tổng cộng				0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	37.000.000	37.000.000

Bảng chữ: Ba mươi bảy triệu đồng



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

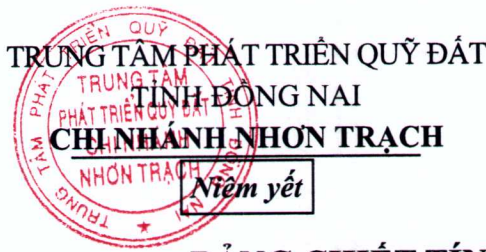
Nhơn Trạch, ngày 27 tháng 01 năm 2026

DANH SÁCH KẾT QUẢ XÉT TÀI ĐỊNH CƯ (ĐỢT 3)

Dự án: **ĐIỀU CHỈNH TRỤ DIỆN CAO THÉ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI**
Địa chỉ: **XÃ PHƯỚC AN**

(Kèm theo Phương án số/PA-TTPTQĐ ngày.....tháng.....năm.....của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch)

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	CMND/điện thoại	Số tờ/số thửa	ĐỦ ĐIỀU KIỆN	KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN	SỐ QUYẾT ĐỊNH/SỐ THÔNG BÁO	GHI CHÚ
1	004	Lê Hoàng Tuấn	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), T Đồng Nai	CMND/CCCD: 075200019649 - .../.../..... Điện thoại:	192/267		X		
2	005	Lê Phát Tài (TS trên đất ông Tuấn)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 07508601465 - 30/05/2022 Điện thoại: 0937496602	61/267		X		
3	006	Nguyễn Thị Hôn - Nguyễn Công Nghiệp (ĐSD)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 075068007280 - 29/06/2021 Điện thoại:	192/237		X		
4	007	Nguyễn Công Nghiệp (Tài sản trên đất ĐSD bà Hôn)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 075068007280 - 29/06/2022 Điện thoại:			X		
5	011	Chưa xác định chủ sử dụng	chưa xác định	CMND/CCCD: - - .../.../..... Điện thoại:	193/157		X		
6	020	Phạm Thị Lành (chết) - chưa xác định thừa kế	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: - .../.../..... Điện thoại:	42/29 (173/29)		X		
7	021	Trương Thanh Ngà - Nguyễn Thị Sê	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 271166333 - 270873913 - .../.../..... Điện thoại:	42/30 (173/30)		X		
8	022	Trương Thị Hồng Thảo; Trương Thanh Hiếu; Trương Thanh Trung	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 075192012922 - .../.../.....; 075089008935 - .../.../.....; 075094010655 - .../.../..... Điện thoại:	173/31		X		
9	032	Huỳnh Thị Gái	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 075164005790 - .../.../..... Điện thoại:	192/96 192/110 192/111		X		
10	034	Chưa xác định (DNL173/168)	Chưa xác định	CMND/CCCD: - .../.../..... Điện thoại:	173/168 173/116 192/76		X		
11	042	Trương Thanh Hiếu (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 075089008935 - .../.../..... Điện thoại:			X		
12	043	Trương Thị Hồng Thảo (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 075192012922 - .../.../..... Điện thoại:			X		
13	044	Trương Thanh Trung (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)	ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 075094010655 - .../.../..... Điện thoại:			X		
*	TỔNG CỘNG					0	13		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhơn Trạch, ngày 26 tháng 01 năm 2026

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 021

Họ và tên: Trương Thanh Ngà - Nguyễn Thị Sê

- Mã số định danh/số căn cước: 271166333 - 270873913

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 42/30 (173/30)

- Diện tích thửa: 160m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 61,5 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số AO 584586 ngày 04/12/2009

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

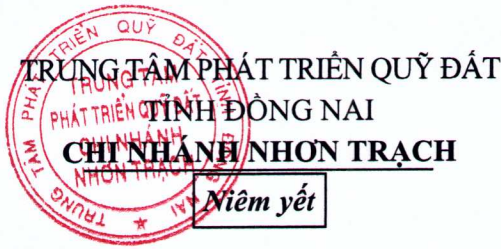
- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Phước An)						0	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
1	Đất trồng cây lâu năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m²	61,5	1.616.000	0		0	AHHL (173/30)
II	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND, Quyết định số Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 4/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2024;)						0	
1	Nhà C4H1	m²	32,732	4.363.000	0		0	XD 2009 (AHHL)
CỘNG							0	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							0	

Viết bằng chữ: không.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 020

Họ và tên: Phạm Thị Lành (chết) - chưa xác định thừa kế

- Mã số định danh/số căn cước:

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 42/29 (173/29)

- Diện tích thửa: 568m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 17 m²

- Loại đất thu hồi: HNK

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số BK 399681 ngày 25/07/2013

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Phước An)						0	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
1	Đất trồng cây hàng năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m²	17	1.616.000	0		0	AHHL (173/29)
II	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 4/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2024;)						0	
1	Nhà C4H2	m²	11,969	3.925.000	0		0	XD 2008 (AHHL)
2	Nhà C4H2	m²	0,175	3.925.000	0		0	
CỘNG							0	
THƯỞNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							0	

Viết bằng chữ: không.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 004

Họ và tên: Lê Hoàng Tuấn

- Mã số định danh/số căn cước: 075200019649

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), T Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không

- Tham gia BHXH: Không

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: Không

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/267

- Diện tích thửa: 1.021m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 198,3 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 192,7 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được công nhận QSD đất số DA 756551 ngày 15/04/2022

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ								
STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Phước An)						309.390.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
1	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	198,3	877.800	100		174.068.000	TH (192/267)
2	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	192,7	877.800	80		135.322.000	AHHL (192/267)
II	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND, Quyết định số Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 4/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2024;)						6.091.000	
1	Mái che, mái hiên (giá cao)	m ²	28,2	720.000	30		6.091.000	XD 2024 AHHL
III	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						8.697.000	
1	Cây chuối	m2	24	28.000		50	336.000	
2	Cây chuối	m2	23	28.000		100	644.000	(TH)
3	Cây Xoài (Năm thu hoạch thứ 6-10)	Cây	2	2.984.982		100	5.970.000	
4	Cây Ổi (Năm thu hoạch thứ 7-9)	Cây	3	302.091		100	906.000	
5	Tắc	Cây	1	172.000		100	172.000	
6	Cây Mãng cầu na (Năm thứ 1)	Cây	1	94.626		100	95.000	
7	Cây Cóc (Năm thứ 2)	Cây	1	390.457		100	390.000	
8	họ cây mai (từ năm thứ 1-4)	Cây	5	36.700		100	184.000	
CỘNG							324.178.000	
THƯƠNG DI DỜI							16.000.000	
TỔNG CỘNG							340.178.000	

Viết bằng chữ: Ba trăm bốn mươi triệu, một trăm bảy mươi tám ngàn đồng.



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

Niên yết

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhơn Trạch, ngày tháng năm

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 005

Họ và tên: Lê Phát Tài (TS trên đất ông Tuấn)

- Mã số định danh/số căn cước: 07508601465

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không

- Tham gia BHXH: Không

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: Không

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư:

- Chưa xét duyệt tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND, Quyết định số Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 4/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2024;)						99.069.000	
1	Nhà C4H1	m ²	9,68	4.363.000	100		42.234.000	XD 2024 (TH)
2	Nhà C4H1	m ²	12,16	4.363.000	100		53.054.000	AHTH
3	Di dời bồn nước: Bồn inox - Từ 1.000 lít - 2.000 lít	cái	1	518.000	100		518.000	
4	Khung đỡ bồn nước cao trên 3 mét	cái	1	2.160.000	100		2.160.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
5	Hồ chứa (hồ phân, hầm cầu...) xây gạch, lát đáy - Nền lát gạch tàu	m ²	4	156.000	100		624.000	
6	Ống nước nhựa PVC pi 90	mét	2	72.300	100		145.000	
7	Ống nước nhựa PVC pi 42	mét	1	25.800	100		26.000	pi 49
8	Ống nước nhựa PVC pi 21	mét	6	12.000	100		72.000	
9	Ống nước nhựa PVC pi 27	mét	15	15.700	100		236.000	
CỘNG							99.069.000	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							99.069.000	

Viết bằng chữ: Chín mươi chín triệu, không trăm sáu mươi chín ngàn đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 007

Họ và tên: Nguyễn Công Nghiệp (Tài sản trên đất ĐSD bà Hon)

- Mã số định danh/số căn cước: 075068007280

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư:

- Chưa xét duyệt tái định cư

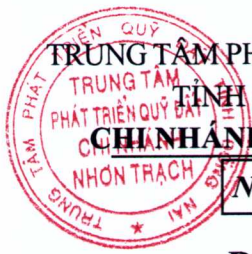
- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND, Quyết định số Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 4/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2024;)						256.449.000	
1	Nhà C4H1	m ²	22,372	4.363.000	80		78.087.000	XD 2024 AHTH
2	Nhà C4H1	m ²	29,988	4.363.000	80		104.670.000	AHTH
3	Nhà C4H1	m ²	8,552	4.363.000	80		29.850.000	AHTH

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
4	Nhà < C4H1	m ²	15,04	2.059.000	80		24.774.000	AHTH
5	Nhà < C4H1	m ²	3,1	2.059.000	80		5.106.000	AHTH
6	Nhà C4H1	m ²	4	4.363.000	80		13.962.000	nhà tắm
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						14.882.000	
1	Mía	ha	0	86.050.000	100		9.000	
2	Cây xoài - Năm thứ 2	Cây	3	418.299	100		1.255.000	
3	Cây xoài - Năm thứ 4 trở đi (thời kỳ kinh doanh)	Cây	4	849.491	100		3.398.000	
4	Cây bưởi - Năm thứ 4 trở đi (thời kỳ kinh doanh)	Cây	4	1.898.003	100		7.592.000	
5	họ cây mai (từ năm thứ 1-4)	Cây	4	36.700	100		147.000	
6	Sứ kiểng	Cây	4	187.000	100		748.000	
7	Ỗi - Năm thứ 3 trở đi	Cây	4	433.269	100		1.733.000	
CỘNG							271.331.000	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							271.331.000	

Viết bằng chữ: Hai trăm bảy mươi một triệu, ba trăm ba mươi một ngàn đồng.



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

Niêm yết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhơn Trạch, ngày tháng năm

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 006

Họ và tên: Nguyễn Thị Hôn - Nguyễn Công Nghiệp (ĐSD) ✓

- Mã số định danh/số căn cước: 075068007280

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai ✓

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không

- Tham gia BHXH: Không

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: Không

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/237 ✓

- Diện tích thửa: 2.441m² ✓

- Diện tích thu hồi trong ranh: 483 m² ✓

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 272 m² ✓

- Loại đất thu hồi: CLN ✓

- Nguồn gốc đất: Được công nhận QSD đất số DH 276481, DH 276482 ngày 26/09/2022

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Phước An)						614.986.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
1	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	483	877.800	100		423.977.000	TH (192/237)
2	Đất trồng cây lâu năm; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	272	877.800	80		191.009.000	AHHL (192/237)
CỘNG							614.986.000	
THƯỞNG DI DỜI							20.000.000	
TỔNG CỘNG							634.986.000	

Viết bằng chữ: Sáu trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi sáu ngàn đồng.

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chỉ trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THẾ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 034

Họ và tên: Chưa xác định (DNL173/168)

- Mã số định danh/số căn cước:

- Địa chỉ thường trú: Chưa xác định

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 173/168

- Diện tích thửa: 75,7m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 50 m²

- Loại đất thu hồi: DNL

- Nguồn gốc đất: Chưa xác định

- Số tờ/thửa: 173/116

- Diện tích thửa: 75,8m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 75,8 m²

- Loại đất thu hồi: DNL

- Nguồn gốc đất: Chưa xác định

- Số tờ/thửa: 192/76

- Diện tích thửa: 45m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 45 m²

- Loại đất thu hồi: DNL

- Nguồn gốc đất: Chưa xác định
- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư:
- Chưa xét duyệt tái định cư
- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Phước An)						0	
1	Đất công trình năng lượng; Đất công UBND xã quản lý; Đất công UBND xã quản lý	m ²	50	0	0		0	AHHL (173/168)
2	Đất công trình năng lượng; Đất công UBND xã quản lý; Đất công UBND xã quản lý	m ²	75,8	0	0		0	AHHL (173/116)
3	Đất công trình năng lượng; Đất công UBND xã quản lý; Đất công UBND xã quản lý	m ²	45	0	0		0	AHHL (191/76)
CỘNG							0	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							0	

Viết bằng chữ: không.



Niêm yết

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THÉ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 032

Họ và tên: Huỳnh Thị Gái

- Mã số định danh/số căn cước: 075164005790

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 192/96

- Diện tích thửa: 276m²- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 220 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CP 212010 ngày 19/09/2010

- Số tờ/thửa: 192/110

- Diện tích thửa: 83m²- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 13,5 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CP 212002 ngày 19/09/2010

- Số tờ/thửa: 192/111

- Diện tích thửa: 252m²- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 131 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CP 212008 ngày 19/09/2010
- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024
- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư
- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Phước An)						255.966.000	
1	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m²	220	877.800	80		154.493.000	AHHL (192/96)
2	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m²	13,5	877.800	80		9.480.000	AHHL (192/110)
3	Đất trồng lúa; VT4; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m²	131	877.800	80		91.993.000	AHHL (192/111)
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						1.190.000	
1	Keo lá tràm	Cây	57	22.043		80	1.005.000	(Cao)
2	Keo lá tràm	Cây	15	15.384		80	185.000	
CỘNG							257.156.000	
THƯỜNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							257.156.000	

Viết bằng chữ: Hai trăm năm mươi bảy triệu, một trăm năm mươi sáu ngàn đồng.



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

Niêm yết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhơn Trạch, ngày tháng năm

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 011

Họ và tên: Chưa xác định chủ sử dụng

- Mã số định danh/số căn cước: .

- Địa chỉ thường trú: chưa xác định

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không

- Tham gia BHXH: Không

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: Không

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 193/157

- Diện tích thửa: 279m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Chưa xác định

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Phước An)						442.000	
1	Đất trồng lúa; VT3; Đường Đê Ông Kèo (Nhóm 2) xã Phước An	m²	0,5	883.200	100		442.000	TH (193/157)

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
	CỘNG						442.000	
	THƯỜNG DI DỜI						1.000.000	
	TỔNG CỘNG						1.442.000	

Viết bằng chữ: Một triệu, bốn trăm bốn mươi hai ngàn đồng.

**BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 022

1. Họ và tên: Trương Thị Hồng Thảo

- Mã số định danh/số căn cước: 075192012922

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

2. Họ và tên: Trương Thanh Hiếu

- Mã số định danh/số căn cước: 075089008935

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

3. Họ và tên: Trương Thanh Trung

- Mã số định danh/số căn cước: 075094010655

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An (Vĩnh Thanh cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 173/31

- Diện tích thửa: 202m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Diện tích bồi thường do bị ảnh hưởng: 132,8 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CH 383121, 383122, 383123 ngày 22/05/2017

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:**5. Thông tin về tái định cư:**

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Phước An)						0	
1	Đất trồng cây lâu năm; VT2 ; Đường Hùng Vương (Nhóm 1) xã Phước An	m ²	132,8	1.616.000	0		0	AHHL (173/31)
CỘNG							0	
THƯỞNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							0	

Viết bằng chữ: không.



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

Niêm yết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhơn Trạch, ngày 26 tháng 01 năm 2026

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 042

Họ và tên: Trương Thanh Hiếu (TS ĐSD Thảo - Hiếu -Trung)

- Mã số định danh/số căn cước: 075089008935

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND, Quyết định số Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 4/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2024;)						63.775.000	
1	Nhà C4H2	m ²	54,161	3.925.000	30		63.775.000	XD 2018
CỘNG							63.775.000	
THƯỞNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							63.775.000	

Viết bằng chữ: Sáu mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng.



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
TỈNH ĐỒNG NAI
CHÍNH NHƠN TRẠCH

Niêm yết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhơn Trạch, ngày 26 tháng 01 năm 2026

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 043

Họ và tên: Trương Thị Hồng Thảo (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)

- Mã số định danh/số căn cước: 075192012922

- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND, Quyết định số Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 4/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2024;)						64.511.000	
1	Nhà C4H2	m ²	35,958	3.925.000	30		42.341.000	XD 2018
2	Nhà C4H2	m ²	18,828	3.925.000	30		22.170.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
CỘNG							64.511.000	
THƯỞNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							64.511.000	

Viết bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu, năm trăm mười một ngàn đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: DI DỜI 08 TRỤ ĐIỆN CAO THỂ THUỘC DỰ ÁN TP4: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TPHCM ĐOẠN QUA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

- Mã số: 044
Họ và tên: Trương Thanh Trung (TS ĐSD Thảo - Hiếu - Trung)
- Mã số định danh/số căn cước: 075094010655
- Địa chỉ thường trú: ấp Chính Nghĩa, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai
- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Phước An

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .
- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : .
- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .
- Tham gia BHXH: .
- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2014
- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư
- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND, Quyết định số Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 4/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2024;)						88.340.000	
1	Nhà C4H2	m ²	37,512	3.925.000	30		44.170.000	XD 2018 (một phần ts trên đất bà Ngà + bà Sê

STT	TÊN TÀI SẢN		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
						BT	HT		
2	Nhà C4H2		m ²	37,512	3.925.000	30		44.170.000	XD 2018 (một phần ts trên đất bà Ngà + bà Sê
CỘNG								88.340.000	
THƯỜNG DI DỜI								0	
TỔNG CỘNG								88.340.000	

Viết bằng chữ: Tám mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi ngàn đồng.